

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TỪ KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN TƯ DUY ĐỘC LẬP, SÁNG TẠO CỦA HỌC VIÊN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN KẾT NƯỚC NGOÀI ĐẾN KHẢ NĂNG ÁP DỤNG VÀO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG NƯỚC

ThS. TRỊNH THỊ DIỆU HẰNG*

Bước vào thế kỷ XXI, ngành giáo dục (GD) nước ta đã thực hiện nhiều cải cách để nhanh chóng theo kịp trình độ của các nước trong khu vực và trên thế giới. Trong đó, phát triển tối đa khả năng tư duy độc lập, sáng tạo của người học là một trong những vấn đề then chốt, quan trọng nhất, đặc biệt là đối với hệ đào tạo ở bậc đại học. Thông qua các chương trình *liên kết đào tạo* (LKĐT) với nước ngoài, những yếu tố tích cực, khoa học trong chương trình đào tạo (ĐT) đã cung cấp nhiều kinh nghiệm cần thiết cho việc tăng cường khả năng áp dụng những kiến thức đã học của người học vào thực tế.

1. Sự hợp tác trong quá trình dạy - học

Một trong những mục tiêu hàng đầu của nền GD nước ta hiện nay là huy động được mọi nguồn lực của xã hội để nâng cao chất lượng GD. Xã hội hóa GD không chỉ là kích thích khả năng huy động kinh phí đầu tư vào cơ sở vật chất cho các cơ sở ĐT; mà quan trọng hơn là tạo điều kiện để mọi cá nhân, tổ chức đều được tham gia vào quá trình GD nhằm tạo ra những con người có tri thức, có kĩ năng vận dụng vào thực tiễn cuộc sống. Đây là sự hợp tác ở tầm vĩ mô trong quá trình dạy - học.

Để thực hiện thành công quá trình xã hội hóa GD, cả xã hội phải tham gia vào quá trình học tập, cùng nỗ lực phát minh và khám phá thực tiễn. Lúc này, học tập trở thành quá trình tương tác có tính chất liên tục đối với tất cả mọi thành viên tham gia.

Ở cấp độ hẹp hơn, tính tương tác liên tục này được thể hiện một cách rõ nét trong sự hợp tác giữa người dạy và người học. Sự hợp tác này không chỉ đơn thuần là "lấy người học làm trung tâm của hoạt động dạy - học", mà còn buộc người dạy phải xem xét ở góc độ "cả hai đều cùng học tập". Với sự phát triển của công nghệ thông tin như hiện nay, sinh viên (SV) ngày càng có nhiều cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn thông tin phong phú, đa dạng, có ý nghĩa thực tiễn trên mọi lĩnh vực. Do đó, người dạy không còn đứng ở vai trò "nguồn cung cấp thông tin" nữa, mà trở thành người hỗ trợ SV

trong quá trình tiếp cận, xử lí thông tin. Nhờ đó, nội dung học tập sẽ trở nên phong phú, thực tiễn hơn thông qua quá trình trao đổi, xử lí và vận dụng các thông tin từ nhiều chiều.

Nhìn chung, quá trình hợp tác trong hoạt động dạy và học phát triển qua 3 tầng tiếp thu của SV như sau:

1) Tiếp nhận thông tin. Nếu cả quá trình bị dừng ở tầng tiếp thu này thì việc học sẽ chỉ diễn ra theo mô thức "thầy giảng, trò nghe và ghi nhớ". Người học chỉ cần cố gắng "học thuộc lòng" những kiến thức đã được thầy truyền đạt, với hi vọng có thể sử dụng kiến thức đó để kiếm sống. Điều này có thể là đúng trong hoàn cảnh "tinh" của xã hội phong kiến ngày xưa. Nhưng trong hoàn cảnh hiện nay, kiểu học - hành này thường không thể áp dụng được; bởi trong rất nhiều trường hợp, những kiến thức thầy truyền thụ đã không còn phù hợp với thực tế nữa.

2) Trao đổi thông tin và tạo thông tin mới. Tại tầng tiếp thu này, sự trao đổi trong quá trình dạy và học bắt đầu xuất hiện trong quan hệ giữa giảng viên (GV) và SV. Quá trình này giúp việc dạy và học bám sát hơn với thực trạng xã hội, giúp SV dễ dàng vận dụng những điều đã học vào thực tế cuộc sống - vốn hết sức đa dạng và thường xuyên thay đổi.

Ở đây, sự hợp tác trong quá trình dạy - học đã bắt đầu xuất hiện thông qua mối quan hệ trao đổi thông tin và tạo thông tin mới giữa người dạy và người học. Nhưng ở tầng tiếp thu này, "bóng dáng" của một người truyền thụ kiến thức vẫn còn tồn tại; vì lúc này người dạy vẫn đảm nhận vai trò chính, người học dù có phản biện nhưng vẫn chưa rõ nét.

3) Rèn luyện cách tiếp cận thông tin, hình thành phương pháp tư duy sáng tạo. Đây là mức độ phát triển cao nhất trong quan hệ dạy - học. Lúc này, để giảng dạy những bài học khác nhau, GV sẽ phải chọn những nội dung thích hợp để kết cấu thành hệ thống bài giảng tương ứng. Hoạt động này nhằm

* Khoa Quốc tế - Đại học quốc gia Hà Nội

từng bước hình thành phương pháp tư duy, kĩ năng sáng tạo cho người học, nhờ đó, người học có thể tự giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống bằng chính những kiến thức mà mình đã được ĐT.

Chỉ ở tầng tiếp thu này, tính tương tác giữa người dạy và người học mới được phát huy cao độ. Nhưng để đạt được điều này, vai trò của khả năng tư duy độc lập, sáng tạo của người học là hết sức quan trọng. Vì chỉ từ những định hướng cơ bản của người dạy, người học phải phát huy hết khả năng của mình để nắm bắt, xử lí thông tin, biến nó thành kĩ năng sống của riêng mình.

Tóm lại, nếu người học chỉ tiếp nhận thông tin một cách thụ động, hoặc cao hơn nữa là trao đổi thông tin, mà không thể tự phát triển khả năng tư duy độc lập, thì toàn bộ quá trình dạy - học cũng chỉ mới đạt được yếu tố "truyền thụ". Tự bản thân người học mới có thể quyết định thành công của việc dạy học ở tầm mức cao nhất - thông qua quá trình tự phấn đấu, tự rèn luyện tư duy, từng bước hình thành các kĩ năng cần thiết để vận dụng những gì mình đã học vào thực tế cuộc sống một cách sáng tạo.

2. Thực tiễn quá trình dạy - học của nước ta hiện nay

Trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa, nền GD nước ta cũng đã có nhiều thay đổi để thích ứng, nhất là sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986). Tuy nhiên, những thành tựu mà chúng ta đạt được vẫn còn tương đối thấp so với mặt bằng chung của thế giới. Ngay ở bậc đại học, phương pháp giảng dạy vẫn còn mang nặng tính ghi nhớ và tái hiện bài giảng, chưa đủ sức khơi gợi sự yêu thích và hứng thú học tập cho SV. Trong quá trình học, SV thường chỉ tiếp thu kiến thức được truyền đạt một cách thụ động mà thiếu đi những suy nghĩ sáng tạo.

Trong khi đó, nội dung GD vẫn còn rập khuôn, giáo điều, máy móc, thiếu đi những ứng dụng từ thực tiễn cuộc sống. Những kiến thức tiếp nhận được trong giảng đường đại học gần như không bắt kịp sự phát triển của đời sống xã hội. Do đó, SV rất khó tìm được việc làm sau khi ra trường.

Trong những năm gần đây, hoạt động dạy - học ở nước ta đã có nhiều thay đổi theo hướng điều chỉnh cho phù hợp hơn với yêu cầu mới. Nhưng nhìn chung, môi trường GD vẫn còn nặng tính lí thuyết, chưa chú trọng phát huy vai trò độc lập, sáng tạo trong quá trình học của SV. Điều này càng được minh họa qua bảng đối chiếu dưới đây (xem bảng bên).

3. Kinh nghiệm phát triển tư duy độc lập sáng tạo của người học trong các chương trình LKĐT với nước ngoài

Thực tế hoạt động dạy - học nước ta hiện nay	Quá trình dạy - học hiện đại
Học theo nội dung định sẵn, chương trình phân hóa các thành phần nhưng chỉ chú trọng phát triển trí tuệ của người học	Quá trình học luôn phát triển nội dung, định hướng chất lượng; Học liên quan trực tiếp đến nhiều lĩnh vực thực tiễn; nội dung học tập tập trung phát triển người học cả về trí tuệ, đạo đức và thể chất
Phương pháp gò bó, thụ động	Phương pháp phát huy suy nghĩ sáng tạo, trực giác của người học
GV là người cung cấp thông tin, yêu cầu sự tuân thủ của người học	GV là người hỗ trợ học tập, tôn trọng tính đa dạng và cá nhân của người học
Người học thụ động, chỉ chú trọng thuộc lòng và tái hiện bài giảng	Người học tiếp cận tri thức với niềm yêu thích và hứng thú học tập

Ngay từ khi nước ta tiến hành "mở cửa" quan hệ ngoại giao rộng rãi với thế giới, nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ có nền GD tiên tiến trên thế giới đã tiếp cận và đề nghị hợp tác ĐT với nước ta. Hiện nay, cả nước đã mở được khoảng 200 chương trình LKĐT với nước ngoài để ĐT theo yêu cầu của người học. Dù không thể khẳng định tất cả các chương trình đều ưu việt, hoạt động thực chất, có hiệu quả nhưng chắc chắn, sự đa dạng hóa trong chương trình ĐT (đặc biệt từ các nền GD tiên tiến) đã mang lại cho ngành GD nước ta nhiều kinh nghiệm bổ ích.

Trong quá trình CNH, HĐH hiện nay, xã hội đã bắt đầu đặt ra yêu cầu xây dựng một đội ngũ công nhân lành nghề, có tri thức, kĩ năng hoàn thiện, do vậy, hàng loạt trường dạy nghề liên kết với nước ngoài đã được mở, thu hút rất nhiều SV theo học (Việt - Đức, Việt - Hàn, Việt - Nhật...). Trong các trường dạy nghề này, nội dung học luôn được gắn liền với thực tiễn, các phương tiện hỗ trợ học tập được sử dụng có hiệu quả, GV chỉ đảm nhận vai trò hướng dẫn và định hướng cho người học. Điều này buộc SV phải phát huy tối đa khả năng tư duy của mình để tiếp nhận tri thức, chứ không bị gò bó theo khuôn sáo trong sách vở. Không những vậy, SV còn được khuyến khích khả năng sáng tạo, vận dụng kiến thức để áp dụng vào thực tiễn công việc.

Hiện nay, ở các trường đại học công lập, SV vẫn chủ yếu học theo giáo trình, rất ít khi được thực hành (do cơ sở vật chất không được đầu tư thỏa đáng). Ngược lại, các trường dạy nghề đã có sự đầu tư trang thiết bị học tập rất tốt để SV được thực hành nhiều hơn, từ đó kiến thức trong sách vở được hiện thực hóa trong cuộc sống. SV được chủ động thực hành và tiếp cận với máy móc kĩ thuật trực tiếp nên kĩ năng hành nghề của các em rất tốt. Do vậy, đa số SV tốt nghiệp

từ các trường dạy nghề liên kết với nước ngoài đều đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp, trong khi không ít SV tốt nghiệp đại học công lập vẫn phải mất thêm thời gian để làm quen với thực tế công việc hoặc phải ĐT lại.

Không những thế, nội dung ĐT trong các chương trình liên kết với nước ngoài thường chú trọng nhiều đến các hoạt động ngoại khóa. Trong quá trình học tập, SV thường xuyên được kiến tập, tiếp cận với các tổ chức, cơ sở thực tế (thông qua các buổi tọa đàm, thảo luận nhóm và sinh hoạt ngoại khóa) giúp các em dần xây dựng được tác phong tự tin, năng động, sáng tạo. Qua những hoạt động này, SV được tiếp cận một cách khoa học và độc lập với những vấn đề kinh tế - xã hội của thế giới cũng như của đất nước. Đó cũng là những vấn đề mà mỗi một quốc gia, một doanh nghiệp hay một cá nhân sẽ phải đối mặt. Nhờ vậy, ngay sau khi tốt nghiệp, SV có nhiều cơ hội lựa chọn việc làm.

Một kinh nghiệm cụ thể hơn nữa trong chương trình LKĐT với nước ngoài là khả năng huy động các nguồn lực trong xã hội tham gia vào quá trình GD. Những năm gần đây, nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước đã trực tiếp đến "đặt hàng" tại các cơ sở GD. Trong đó, các tân SV có điểm đầu vào cao thuộc các trường đại học có chương trình LKĐT với nước ngoài bao giờ cũng được doanh nghiệp "chọn mặt gửi vàng". Đương nhiên, để được doanh nghiệp tài trợ, cấp học bổng, SV phải nỗ lực rất nhiều trong quá trình học tập để đạt được kết quả cao nhất. Điều này góp phần tăng thêm ý chí, nghị lực phấn đấu trong cuộc sống cho mỗi SV, giúp họ có đủ khả năng để chịu được áp lực công việc sau khi ra trường.

4. Một số kiến nghị, đề xuất để nâng cao hiệu quả LKĐT

Không thể phủ nhận rằng, các chương trình LKĐT với nước ngoài thực sự có nhiều thế mạnh quan trọng như: - Phát huy khả năng tư duy độc lập, sáng tạo của SV; - Nội dung, phương thức ĐT đáp ứng yêu cầu của thời đại; - Đội ngũ GV có trình độ cao, hiểu biết sâu rộng, có nhiều kinh nghiệm giảng dạy; - Trang thiết bị dạy học hiện đại, đáp ứng tối đa nhu cầu thực hành của SV; - Khi tốt nghiệp, SV không chỉ có trình độ cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ chuyên ngành mà còn có trình độ ngoại ngữ rất cao, tương ứng với trình độ cử nhân.

Những ưu thế mà quá trình LKĐT mang lại chắc chắn sẽ giúp ngành GD nước ta đúc rút nhiều kinh nghiệm để từng bước nâng cao chất lượng GD. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm như đã phân tích,

các chương trình LKĐT với nước ngoài cũng đang phải "đổi mặt" với những khó khăn, tồn tại như: - Khung chương trình ĐT vẫn chưa hoàn thiện, đang trong tình trạng "vừa ĐT, vừa chỉnh sửa" cho phù hợp với các yêu cầu cụ thể của từng ngành nghề; - Đội ngũ GV mặc dù có học hàm, học vị cao (bao gồm cả GV Việt Nam và nước ngoài) song lại thuộc biên chế của nhiều trường nên không đủ để đáp ứng yêu cầu ĐT của từng trường; - Hệ thống quản lý còn thiếu đồng bộ, chưa được thống nhất trong một chỉnh thể chung; - Chất lượng đầu vào còn thấp (do đa số học sinh trúng tuyển chỉ đạt điểm sàn hoặc không đủ điểm vào các trường đại học công lập có danh tiếng). Bên cạnh đó, cũng có hiện tượng là một số chương trình LKĐT với nước ngoài chỉ chạy theo lợi nhuận mà không chú trọng chất lượng.

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới những vấn đề trên như: - Công tác quản lý chất lượng ĐT chưa được quan tâm đúng mức; - Các trường chưa có được mô hình quản lý chất lượng phù hợp với đặc thù của hình thức LKĐT; - Hiện chưa có nghiên cứu cụ thể để đánh giá toàn diện về những ưu điểm cũng như những hạn chế, tồn tại để đề xuất các giải pháp quản lý theo xu thế hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng ĐT.

Vì vậy, cần có một mô hình quản lý thống nhất về chất lượng ĐT các chương trình đại học liên kết với nước ngoài. Việc nghiên cứu và xây dựng được mô hình hợp lý sẽ quyết định chất lượng ĐT của bậc đại học.

Hiện nay, mô hình quản lý chất lượng toàn diện, gọi tắt là TQM (Total Quality Management) đang được nhiều nước trên thế giới đánh giá là triết lý GD mang lại hiệu quả cao. Chính nhờ áp dụng thành công TQM mà chỉ sau vài thập niên, chất lượng các sản phẩm do Nhật Bản sản xuất từ chỗ yếu kém đã nâng lên thành những sản phẩm có trình độ cao, xây dựng được uy tín trên toàn thế giới. Thành công của Nhật sau khi áp dụng TQM cũng đã khiến giới doanh nghiệp nhiều nước tìm đến TQM và áp dụng nó vào thực tế hoạt động thực tiễn của mình.

Trong những năm gần đây, hầu hết những định hướng về cải cách và nâng cao chất lượng GD đại học đã và đang được thực hiện đều ít nhiều mang hơi hướng triết lý TQM, nghĩa là: "Lấy người học làm trung tâm" trong hoạt động dạy - học, nhấn mạnh quyền tự chủ cho các trường đại học, ĐT năng lực GV và rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, cải tiến liên tục chất

(Xem tiếp trang 11)

phục vụ cho hoạt động đào tạo; 2) Quản lý và tổ chức hoạt động RLNVSP của SV theo đề cương RLNVSP hàng năm (phân công giáo viên đủ tiêu chuẩn hướng dẫn các nhóm, phân bổ số tiết dự của các nhóm SV vào các lớp, đánh giá hoạt động RLNVSP tại trường PT của SV); 3) Tổ chức kết nghĩa giữa các nhóm SV với các lớp học sinh của trường PT.

5. Tổ chức thực hiện RLNVSP theo mô hình: quá trình rèn luyện và quá trình đánh giá

1) Quá trình rèn luyện: - SV dựa vào chuẩn NVSP để tự đánh giá và lập kế hoạch rèn luyện vào sổ tay RLNVSP; - Dựa vào kế hoạch rèn luyện, SV lập đề cương và đăng kí được thực hành tại phòng thực hành hay xuống trường PT; SV hoặc nhóm SV đăng kí thực hành trong giới hạn số tiết, số buổi quy định cho một khóa đào tạo; - Rèn luyện tại phòng thực hành, áp dụng theo hình thức “cá nhân trong nhóm” SV có thể yêu cầu GV hướng dẫn dự và góp ý trực tiếp hoặc ghi vào file và chuyển cho GV hướng dẫn xem và góp ý; - SV xuống trường PT theo lịch của trường PT, sau khi đã đăng kí. Tùy theo mục đích, trường PT sẽ sắp xếp các SV theo nhóm dự giờ, thăm lớp.

2) Quá trình đánh giá: SV tự đánh giá, nếu thấy đạt thì có thể đăng kí được đánh giá sớm hơn so với thời hạn quy định. Khi đã đủ số lượng hoặc đúng thời điểm đánh giá, hội đồng đánh giá tổ chức đánh giá theo đăng kí của SV. Kết quả đánh giá, thành viên hội đồng đánh giá đều được ghi lại trong sổ tay RLNVSP. SV bị đánh giá không đạt, tiếp tục rèn luyện lại để được đánh giá lại cho đến khi đạt. Để tăng tính tích cực trong học tập, SV khi đăng kí đánh giá lần hai trở đi đều phải đóng lệ phí như với các môn học phải học lại.

* * *

Mô hình RLNVSP cùng với các biện pháp trên đã được triển khai thí điểm tại Khoa Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp từ năm học 2011-2012. Mặc dù chưa có kết quả cụ thể do khóa học chưa kết thúc, nhưng có thể thấy rõ hiệu quả về quản lý và tổ chức, trong đó, tất cả các bên liên quan đều hài lòng và hoàn thành tốt công việc của mình. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Đệ - Vũ Văn Đức. “Bàn về mô hình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong giai đoạn hiện nay”. Tạp chí *Khoa học giáo dục*, số 79/2012.
2. Nguyễn Kim Hồng. “Về nghiệp vụ sư phạm trong các trường đào tạo giáo viên hiện nay”. Hội thảo *Nâng cao chất lượng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên các*

trường đại học sư phạm. Đại học sư phạm Hà Nội, 2011.

3. Nguyễn Văn Tụ. “Thực trạng và những định hướng trong công tác đào tạo nghề ở các trường đại học sư phạm”. Tạp chí *Khoa học và công nghệ*, Đại học Đà Nẵng, số 2(37)/2010.

SUMMARY

This article aims to propose solutions to enhance the quality of pedagogical competencies training activities in training high school and pre-school teachers in accordance with the new circumstances.

Nâng cao chất lượng đào tạo...

(Tiếp theo trang 9)

lượng GD và hình thành ý thức trong cả cộng đồng - GD toàn dân.

Một trong những bí quyết để thực hiện TQM thành công chính là việc bảo đảm “mọi hoạt động đều phải xoay quanh nhân vật trung tâm”. Nếu thống nhất rằng trung tâm của hệ thống GD là người học (có thể được xem như là một loại khách hàng đặc biệt), thì mọi hoạt động cải cách - dù là ở đâu, cấp nào, làm gì - đều phải đặt lợi ích của người học lên trên hết.

Tóm lại, GD Việt Nam hiện nay đang hướng đến một nền GD toàn diện theo phương pháp “lấy người học làm trung tâm”. Áp dụng quản lý chất lượng GD-ĐT theo mô hình TQM ở nước ta sẽ giúp cho hệ thống quản lý chất lượng LKĐT quốc tế đạt được những thành công trong công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện nền GD Việt Nam. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Kim Dung. “Xác định những yêu cầu sư phạm đối với sinh viên tốt nghiệp nhằm đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông hiện nay ở nước ta”. Đề tài KH-CN cấp Bộ, mã số: B2009-17-177, 2010.

SUMMARY

In conclusion, the Vietnamese education has been aiming to an all-side system under the “learner-centered” method. If the existing issues can be resolved, the Vietnamese government is going to achieve its targets by undertaking articulation programs with foreign countries. By applying the TQM model in education quality management, Vietnam could improve the management system of education quality for international under-graduate articulation programs, and succeed in reform the existing education system fundamentally and wholly.